TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH CKI - CKII NĂM 2014

KẾT QUẢ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA II HỆ TẬP TRUNG KHOÁ XXVIII - NĂM 2014

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Cơ quan công tác	Chuyên ngành dự	C.ngành	N.Ngữ
1	Khổng Tiến Đạt	20.11.1978	Điện Biên	CKII-001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên	Chẩn đoán hình ảnh	8.00	MT
2	Phạm Chi Mai	25.10.1971	Sơn La	CKII-002	Bệnh viện Phụ sản Trung ương	Chẩn đoán hình ảnh	8.00	77.0
3	Hoàng Văn Tăng	06.11.1963	Bắc Giang	CKII-003	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Chẩn đoán hình ảnh	6.00	83.0
4	Lê Anh Tú	01.12.1967	Nghệ An	CKII-005	Bệnh viện 354 Tổng Cục hậu cần	Chẩn đoán hình ảnh	5.00	58.0
5	Trương Vũ Trung	13.09.1978	Thái Bình	CKII-004	Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương	Chẩn đoán hình ảnh	Bỏ	Bỏ
6	Lâm Văn Cấp	09.10.1964	Bắc Giang	CKII-006	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Da liễu	8.00	80.0
7	Nguyễn Hữu Liêm	26.05.1967	Nghệ An	CKII-008	Trung tâm Chống Phong - Da liễu Nghệ An	Da liễu	6.00	73.0
8	Nguyễn Thị Kim Oanh	31.12.1976	Hòa Bình	CKII-009	Bệnh viện Nhi Trung ương	Da liễu	6.00	70.5
9	Bùi Thế Hùng	13.03.1967	Bắc Giang	CKII-007	Công an tỉnh Bắc Ninh	Da liễu	Bỏ	Bỏ
10	Giang Thị Kiều Anh	11.02.1977	Hải Phòng	CKII-010	Bệnh viện Mắt trung ương	Gây mê hồi sức	9.00	87.5
11	Kiều Thị Nguyên	30.09.1980	Hà Nội	CKII-017	Bệnh viện 105 Sơn Tây	Gây mê hồi sức	8.50	76.0
12	Phạm Thị Hiền Hòa	01.05.1967	Thái Nguyên	CKII-012	Bệnh viện Nhi Trung ương	Gây mê hồi sức	8.50	70.0
13	Lê Nguyên Lượng	15.08.1974	Lai Châu	CKII-016	Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên	Gây mê hồi sức	8.00	MT
14	Nguyễn Quang Huệ	22.06.1963	Hà Nội	CKII-013	Khoa Khám bệnh, Bệnh viện Việt Đức	Gây mê hồi sức	8.00	62.0
15	Trần Xuân Hưng	10.05.1977	Hà Nam	CKII-014	Bệnh viên đa khoa tỉnh Hà Nam	Gây mê hồi sức	8.00	51.0
16	Hoàng Ngọc Vinh	02.08.1968	Hà Nội	CKII-020	Bệnh viện đa khoa Đông Anh	Gây mê hồi sức	8.00	83.0
17	Hoàng Văn Yêu	17.09.1969	Lạng Sơn	CKII-021	Bệnh viện đa khoa trung tâm Lạng Sơn	Gây mê hồi sức	7.50	MT
18	Hồ Viết Hà	15.04.1974	Hà Nội	CKII-011	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Gây mê hồi sức	7.50	67.0
19	Nguyễn Văn Trà	08.07.1972	Bắc Giang	CKII-018	Bệnh viện Sản Nhi Bắc Giang	Gây mê hồi sức	7.50	66.0
20	Hoàng Quốc Khái	15.09.1966	Hưng Yên	CKII-015	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hưng yên	Gây mê hồi sức	6.50	95.0
21	Mai Văn Tuyên	13.06.1971	Bắc Giang	CKII-019	Bệnh viện Phụ sản Trung ương	Gây mê hồi sức	6.50	53.0
22	Dương Văn Thuỳ	25.05.1971	Vĩnh Phúc	CKII-104	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Giải phẫu bệnh	7.50	57.0
23	Nguyễn Thị Bình Minh	19.06.1975	Hà Nội	CKII-078	Bệnh viện E	Hoá sinh	7.50	89.0
24	Đào Việt Hưng	22.02.1974	Lai Châu	CKII-029	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu	Hồi sức cấp cứu	8.00	MT

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Cơ quan công tác	Chuyên ngành dự	C.ngành	N.Ngữ
25	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	06.09.1976	Hà Nam	CKII-032	Bệnh viện Thanh Nhàn	Hồi sức cấp cứu	8.00	79.0
26	Vũ Anh Dũng	03.02.1966	Sơn La	CKII-028	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	Hồi sức cấp cứu	7.00	MT
27	Nguyễn Anh Tuấn	16.06.1968	Phú Thọ	CKII-122	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Tuyên quang	Hồi sức cấp cứu	6.50	MT
28	Vũ Hải Vinh	07.07.1968	Quảng Ninh	CKII-033	Bệnh viện E	Hồi sức cấp cứu	6.00	77.0
29	Nguyễn Quốc Tế	04.12.1968	Hà Nội	CKII-031	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Hồi sức cấp cứu	6.00	74.0
30	Lê Thái Ninh	22.02.1975	Thái Bình	CKII-030	Bệnh viện Xây dựng	Hồi sức cấp cứu	6.00	58.0
31	Đỗ Đức Dũng	02.10.1973	Hà Giang	CKII-027	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	5.00	34.0
32	Lê Thị Hương	18.08.1977	Hà Nội	CKII-035	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình	Huyết học-Truyền m	6.50	MT
33	Phạm Văn Hiệu	16.08.1976	Nam Định	CKII-034	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Huyết học-Truyền m	5.00	79.0
34	Đặng Văn Khiêm	19.04.1963	Hà Nội	CKII-036	Bệnh viện Phổi Trung ương	Lao	8.00	80.0
35	Khiếu Mạnh Cường	05.10.1976	Thái Bình	CKII-039	Bệnh viện Phổi Trung ương	Ngoại khoa	8.00	83.5
36	Vũ Thành Chung	20.10.1976	Thái Bình	CKII-038	Bệnh viện Thanh Nhàn	Ngoại khoa	7.50	70.0
37	Nguyễn Quang Phú	08.03.1978	Hà Nội	CKII-044	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Ngoại khoa	7.00	72.0
38	Trần Quốc Mạnh	08.04.1972	Thái Bình	CKII-043	Bệnh viện đa khoa huyện Tân Lạc, Hòa Bình	Ngoại khoa	7.00	MT
39	Đặng Đức Thuận	26.10.1970	Nam Định	CKII-047	Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái	Ngoại khoa	6.50	MT
40	Nguyễn Văn Thành	16.02.1979	Thái Nguyên	CKII-046	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Ngoại khoa	6.50	65.0
41	Hà Xuân Tài	05.05.1979	Phú Thọ	CKII-045	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Ngoại khoa	6.50	55.5
42	Phan Nhân Hậu	15.05.1975	Nghệ An	CKII-042	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	Ngoại khoa	6.00	83.0
43	Nguyễn Văn Di	01.05.1963	Hải Dương	CKII-040	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Thành	Ngoại khoa	6.00	68.0
44	Nhữ Văn Vinh	09.03.1968	Quảng Ninh	CKII-049	Bệnh viện đa khoa trung tâm Lạng Sơn	Ngoại khoa	6.00	MT
45	Phạm Văn Bình	04.03.1975	Ninh Bình	CKII-037	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh bình	Ngoại khoa	6.00	98.0
46	Sầm Văn Hải	09.04.1970	Nghệ An	CKII-041	Bệnh viện đa khoa huyện Kỳ Sơn, Nghệ an	Ngoại khoa	5.50	MT
47	Vũ Duy Trường	29.03.1966	Hải Phòng	CKII-048	Bệnh viện Kiến An	Ngoại khoa	4.50	56.5
48	Đỗ Quang Thọ	17.03.1974	Thái Nguyên	CKII-118	Bệnh viện Mắt Thái Nguyên	Nhãn khoa	10.00	77.0
49	Phạm Văn Hiệu	13.01.1967	Hà Nội	CKII-112	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Nhãn khoa	10.00	87.0
50	Nguyễn Thành Tuấn	15.05.1970	Bắc Ninh	CKII-119	Bệnh viện Mắt tỉnh Bắc Ninh	Nhãn khoa	9.50	68.0
51	Bạch Ngọc Sỹ	27.07.1970	Lạng Sơn	CKII-117	Bệnh viện đa khoa trung tâm Lạng Sơn	Nhãn khoa	9.50	MT
52	Trần Thị Thu Hiền	30.06.1973	Hải Phòng	CKII-111	Bệnh viện Thanh Nhàn	Nhãn khoa	9.50	62.0
53	Phạm Thị Thu Hoài	12.01.1974	Thái Nguyên	CKII-113	Bệnh viện Nông nghiệp	Nhãn khoa	9.00	75.0

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Cơ quan công tác	Chuyên ngành dự	C.ngành	N.Ngữ
54	Trịnh Ngọc Quỳnh	13.03.1963	Nam Định	CKII-116	Bệnh viện Mắt tỉnh Ninh Bình	Nhãn khoa	9.00	58.0
55	Trần Thị Minh	19.05.1977	Thái Nguyên	CKII-114	Bệnhv iện 19-8	Nhãn khoa	9.00	90.0
56	Lê Thị Minh Ngọc	08.09.1978	Hà Nội	CKII-115	Bệnh viện 105 Sơn Tây	Nhãn khoa	9.00	87.0
57	Trần Ánh Dương	15.01.1976	Quảng Bình	CKII-110	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới	Nhãn khoa	8.50	80.0
58	Lê Quang Phương	10.04.1971	Lạng Sơn	CKII-082	Bệnh viện đa khoa Lạng Sơn	Nhi khoa	7.50	MT
59	Hà Hoàng Minh	07.07.1971	Thanh Hóa	CKII-080	Bệnh viện Nhi Thanh Hóa	Nhi khoa	7.50	73.0
60	Nguyễn Thị Mai Hoa	03.12.1970	Thái Nguyên	CKII-079	Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, Hà Nội	Nhi khoa	7.50	68.0
61	Thành Ngọc Minh	29.07.1968	Hà Nội	CKII-081	Bệnh viện Nhi Trung ương	Nhi khoa	6.00	70.0
62	Lê Danh Vinh	08.07.1974	Thái Nguyên	CKII-060	Bệnh viện Bạch Mai	Nội khoa	9.00	87.0
63	Tường Duy Hùng	14.08.1975	Hưng Yên	CKII-052	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	Nội khoa	8.00	83.0
64	Lê Thị Minh Nguyệt	12.01.1972	Hà Nội	CKII-054	Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công An	Nội khoa	7.50	61.5
65	Hồ Viết Vinh	01.01.1968	Hà Nội	CKII-059	Bệnh viện Hữu Nghị	Nội khoa	7.50	77.0
66	Vũ Xuân Tuấn	10.06.1970	Quảng Ninh	CKII-056	Bệnh viện Bưu Điện	Nội khoa	7.00	65.0
67	Thái Sơn	13.02.1978	Hà Nội	CKII-055	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Nội khoa	6.50	80.0
68	Nguyễn Thị Nga	22.01.1979		CKII-053	Bệnh viện 105, Tổng Cục Hậu cần	Nội khoa	6.50	73.0
69	Trần Đình Tỵ	11.11.1978	Nghệ An	CKII-058	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	Nội khoa	6.50	63.0
70	Nguyễn Thị Hải Yến	09.08.1967	Hòa Bình	CKII-061	Bệnh xá Phòng Hậu cần - Kỹ thuật Công tỉnh Bắc Kạn	Nội khoa	6.00	MT
71	Lương Thị Tuyết	01.12.1981	Hà Nam	CKII-057	Bệnh viện 19-8, Bộ công an	Nội khoa	6.00	67.0
72	Hoàng Xuân Trường	03.11.1975	Lạng Sơn	CKII-050	Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh Lạng sơn	Phục hồi chức năng	8.00	MT
73	Nguyễn Văn Vĩ	22.11.1977	Bắc Giang	CKII-051	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Phục hồi chức năng	8.00	74.5
74	Vũ Văn Thanh	23.03.1977	Quảng Ninh	CKII-071	Bệnh viện Việt Nam - Thuỵ Điển Uông Bí, Quảng Ninh	Răng Hàm Mặt	7.50	69.0
75	Nguyễn Văn Quyết	23.07.1973	Hà Nam	CKII-070	Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân	Răng Hàm Mặt	7.50	67.0
76	Nguyễn Việt Phương	05.01.1976	Hà Nội	CKII-069	Bệnh viện Hữu Nghị	Răng Hàm Mặt	7.00	87.0
77	Bùi Ngọc Hương	29.12.1980	Hà Nam	CKII-064	Bệnh viện đa khoa TP Phủ Lý	Răng Hàm Mặt	7.00	79.0
78	Lê Thị Liên	27.02.1971	Lai Châu	CKII-068	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Răng Hàm Mặt	6.50	85.0
79	Đoàn Thị Hà	02.11.1973	Nam Định	CKII-062	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Răng Hàm Mặt	6.50	55.0
80	Bùi Thị Thu Huyền	17.08.1974	Hưng Yên	CKII-063	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Răng Hàm Mặt	6.50	53.0
81	Phùng Đăng Khoa	26.04.1971	Ninh Bình	CKII-066	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh bình	Răng Hàm Mặt	5.00	61.0
82	Nguyễn Tùng Bá Khoa	15.04.1981	Phú Yên	CKII-065	Côn ty TNHH Nha khoa Hai Ngàn TP Hồ Chí Minh	Răng Hàm Mặt	Bỏ	Bỏ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Cơ quan công tác	Chuyên ngành dự	C.ngành	N.Ngữ
83	Đặng Trung Kiêu	28.01.1979	Nam Định	CKII-067	Phòng khám Nha khoa, Công ty CPCSSK Medita	Răng Hàm Mặt	Bỏ	Bỏ
84	Nguyễn Đức Minh	01.12.1982	Vĩnh Phúc	CKII-091	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sản Phụ khoa	10.00	77.0
85	Trần Thị Mai Anh	13.06.1976	Yên Bái	CKII-083	Bệnh viện Quân Y 105 Sơn Tây	Sản Phụ khoa	9.50	87.0
86	Phạm Văn Chung	02.04.1982	Bắc Ninh	CKII-084	Bệnh viện Phụ sản Trung ương	Sản Phụ khoa	8.50	91.0
87	Nguyễn Thu Hoài	01.12.1982	Hà Nội	CKII-088	Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec	Sản Phụ khoa	8.50	79.0
88	Lương Thị Thu	10.01.1972	Tuyên Quang	CKII-094	Bệnh viện Phụ sản Trung ương	Sản Phụ khoa	8.50	75.0
89	Nông Hồng Hà	14.01.1971	Thái Nguyên	CKII-086	Bệnh viện Phụ sản Trung ương	Sản Phụ khoa	8.50	51.0
90	Trần Công Minh	25.03.1971	Hải Dương	CKII-092	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Thành, Hải Dương	Sản Phụ khoa	8.00	75.0
91	Lý Thị Hồng Vân	29.11.1976	Thái Nguyên	CKII-095	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Sản Phụ khoa	8.00	63.0
92	Nguyễn Thanh Hà	12.10.1978	Hà Tĩnh	CKII-085	Bệnh viện đa khoa Hà Tĩnh	Sản Phụ khoa	7.50	73.0
93	Nguyễn Hoà	02.03.1975	Nam Định	CKII-087	Bệnh viện Phụ sản Trung ương	Sản Phụ khoa	7.00	90.0
94	Quách Duy Kỷ	26.01.1970	Hà Nội	CKII-089	Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng	Sản Phụ khoa	7.00	57.0
95	Nguyễn Thị Luyện	01.04.1974	Hà Tĩnh	CKII-090	Bệnh viện đa khoa Yên Châu, Sơn La	Sản Phụ khoa	6.50	MT
96	Phạm Văn Soạn	10.03.1969	Bắc Ninh	CKII-093	Trường Đại học Y Hà nội	Sản Phụ khoa	6.50	72.0
97	Nguyễn Duy Dương	30.04.1973	Thái Nguyên	CKII-024	Bệnh viện Tai Mũi Họng TƯ	Tai Mũi Họng	7.00	95.0
98	Vũ Duy Quýnh	10.01.1980	Thái Bình	CKII-026	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	Tai Mũi Họng	7.00	65.5
99	Dương Thị Chung	17.12.1975	Lạng Sơn	CKII-023	Bệnh viện Nam Thăng Long, Hà Nội	Tai Mũi Họng	6.50	68.0
100	Nguyễn Minh Quang	06.08.1963	Bắc Ninh	CKII-025	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Bắc Ninh	Tai Mũi Họng	6.50	59.0
101	Trần Trung Bắc	13.03.1970	Hà Nội	CKII-022	Viện Giám định Y khoa	Tai Mũi Họng	5.50	68.0
102	Đỗ Thị Linh	01.03.1977	Hà Nội	CKII-073	Bệnh viện Tâm thần trung ương 2	Tâm thần	7.00	39.0
103	Lê Văn Cường	04.08.1970	Hưng Yên	CKII-072	Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	Tâm thần	Bỏ	Bỏ
104	Trần Quyết Thắng	27.04.1972	Thái Bình	CKII-074	Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	Tâm thần	Bỏ	Bỏ
105	Vũ Ngọc Uý	10.09.1971	Yên Bái	CKII-075	Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	Tâm thần	Bỏ	Bỏ
106	Nguyễn Đức Trung	30.07.1976	Bắc Ninh	CKII-076	Phòng Bảo vệ sức khoẻ trung ương 2, Bệnh viện Hữu Nghị	Thần kinh	5.50	68.0
107	Chu Hoàng Hạnh	12.09.1969	Hải Phòng	CKII-100	Bệnh viện K	Ung thư	9.00	84.0
108	Nguyễn Thị Hải Anh	19.08.1973	Thái Nguyên	CKII-098	Bệnh viện K	Ung thư	9.00	83.0
109	Đỗ Thị Kim Anh	14.01.1973	Hà Nội	CKII-097	Bệnh viện K	Ung thư	8.00	63.0
110	Phạm Xuân Lượng	25.06.1961	Hải Dương	CKII-101	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương	Ung thư	8.00	63.0
111	Đặng Hoàng An	21.05.1974	Hà Nội	CKII-096	Bệnh viện Trung ương Huế	Ung thư	7.50	67.0

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Cơ quan công tác	Chuyên ngành dự	C.ngành	N.Ngữ
112	Đặng Thị Việt Bắc	19.03.1970	Hà Nội	CKII-099	Bệnh viện K	Ung thư	7.00	80.0
113	Bùi Thị Xuân	07.05.1968	Thanh Hóa	CKII-103	Bệnh viện K	Ung thư	6.50	58.0
114	Nguyễn Thị Nguyệt Phương	08.07.1970	Bắc Ninh	CKII-102	Bệnh viện K	Ung thư	Bỏ	Bỏ
115	Vũ Thị Châu Loan	04.04.1974	Lào Cai	CKII-125	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Yên Bái	Y học cổ truyền	8.50	MT
116	Nguyễn Bá Anh	13.09.1976	Hà Nam	CKII-121	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Nam	Y học cổ truyền	8.50	94.0
117	Trần Văn Thuấn	02.01.1961	Hà Nam	CKII-128	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Y học cổ truyền	8.00	82.0
118	Phạm Thị Hồng Tuyết	10.04.1967	Yên Bái	CKII-129	Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Phú Thọ	Y học cổ truyền	8.00	64.0
119	Lê Thị Hoè	25.05.1963	Thái Bình	CKII-124	Trung ương Hội Đông Y Việt Nam	Y học cổ truyền	7.50	51.0
120	Ngô Thế Ngọc	28.03.1965	Hà Nội	CKII-127	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Y học cổ truyền	7.50	25.0
121	Nguyễn Thị Song An	03.02.1971	Quảng Ninh	CKII-120	Bệnh viện Việt Nam - Thuỵ Điển Uông Bí, Quảng Ninh	Y học cổ truyền	7.00	64.0
122	Đoàn Văn Hải	20.11.1965	Thái Bình	CKII-123	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Y học cổ truyền	6.00	33.0
123	Nguyễn Thị Lựu	14.04.1964	Quảng Bình	CKII-126	Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch, Quảng Bình	Y học cổ truyền	Bỏ	Bỏ
124	Kim Văn Mừng	09.12.1972	Vĩnh Phúc	CKII-077	Trung tâm Pháp Y tỉnh Vĩnh Phúc	Y pháp	7.50	60.0
125	Bùi Thị Phương	27.05.1970	Yên Bái	CKII-108	Văn phòng Bộ Y tế	Y tế công cộng	8.00	73.0
126	Khổng Minh Tuấn	29.04.1964	Hòa Bình	CKII-109	Trung tâm y tế dự phòng Hà Nội	Y tế công cộng	7.50	60.0
127	Hà Tấn Dũng	24.04.1964	Bắc Giang	CKII-105	Trung tâm y tế dự phòng Hà Nội	Y tế công cộng	7.50	51.0
128	Vũ Văn Hoàng	03.09.1962	Thái Bình	CKII-106	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông	Y tế công cộng	7.00	61.0
129	Phan Văn Huyên	28.12.1973	Bắc Ninh	CKII-107	Trung tâm Y tế Từ Sơn, Bắc Ninh	Y tế công cộng	Bỏ	Bỏ

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG

P.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Tạ Thành Văn